**BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ**

**GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

**b. Năng lực đặc thù**

- Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong văn bản.

- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách.

**3. Về phẩm chất**

Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

**II. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm truyện lịch sử  - HS trả lời.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm chủ đề của tác phẩm văn học  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm biệt ngữ xã hội.  - HS trả lời. | **1. Truyện lịch sử**  - Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;… là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra.  - Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó.  - Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như trong cuộc đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật riêng của nhà văn. Thông thường, truyện lịch sử tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân,… - những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc. Tuy nhiên, các nhân vật đó hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện cách lí giải độc đáo của nhà văn về lịch sử. Bên trong đó, mối quan hệ phức tạp giữa nhân vật với nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội cũng được nhà văn quan tâm thể hiện.  - Dù viết bằng văn xuôi hay văn vần, truyện ngắn hay tiểu thuyết, ngôn ngữ trong truyện lịch sử, nhất là ngôn ngữ nhân vật, phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng.  **2. Chủ đề của tác phẩm văn học**  Chủ đề của tác phẩm văn học là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hay thông điệp chính của tác phẩm. Thông thường, chủ đề không được thể hiện trực tiếp mà người đọc phải tự rút ra từ nội dung tác phẩm.  **3. Biệt ngữ xã hội**  Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vật chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. |

**VĂN BẢN 1: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

**(Trích, Nguyễn Huy Tưởng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn Huy Tưởng.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện lịch sử.

**3. Về phẩm chất**

Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung trước khi đọc:

*1. Chia sẻ cảm nghĩ của em về người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản (qua các tài liệu lịch sử, sách báo, phim ảnh,… mà em đã đọc, đã xem).*

*2. Ngoài Trần Quốc Toản, em còn biết thêm những nhân vật thiếu nhi lỗi lạc nào trong lịch sử?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV cũng có thể chia sẻ cùng HS về trải nghiệm của chính mình, kết nối với bài đọc.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Nguyễn Huy Tưởng và tác phẩm.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin về tác giả Nguyễn Huy Tưởng (HS đã chuẩn bị ở nhà).  - Hướng dẫn HS bước đầu định hướng cách đọc văn bản Lá cờ thêu sáu chữ vàng: *Em đã biết thế nào là truyện lịch sử? Dựa vào những hiểu biết này, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu văn bản?* (HS vận dụng phần tri thức ngữ Văn để trả lời câu hỏi).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Từ phần chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận theo nhóm đôi, bổ sung những chi tiết còn thiếu.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  GV gọi 2 HS phát biểu  **Bước 4: Phân tích kết luận:**  GV nhận xét và đưa ra kết luận. | **1. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng sinh ngày 6 tháng 5 năm 1912 trong một gia đình nho giáo ở làng Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.  - Ông là người sáng lập đồng thời là giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản Kim Đồng.  - Nguyễn Huy Tưởng mất ngày 25 tháng 7 năm 1960 tại Hà Nội, khi ông mới 48 tuổi. Tên của ông được đặt cho một phố của thủ đô Hà Nội.  - Giải thưởng: Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 1996.  **b. Tác phẩm**  Hoàn cảnh sáng tác:  Lá cờ thêu sáu chữ vàng - một tác phẩm dành cho các độc giả thiếu nhi, được Nguyễn Huy Tưởng viết sau một quá trình cầm bút hai mươi năm, ông tiếp cận đối tượng người đọc này khi đã là một tác gia hàng đầu về đề tài lịch sử, một cây bút tiêu biểu về Thăng Long - Hà Nội. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết chính trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Hướng dẫn HS tóm tắt, nêu bối cảnh lịch sử và ý nghĩa nhan đề của truyện.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một đơn vị kiến thức:  - Tóm tắt truyện  - Bối cảnh lịch sử của truyện  - Ý nghĩa nhan đề  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiến thành thảo luận theo nhóm  GV quan sát và hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các bạn còn lại theo dõi và nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Phân tích kết luận:**  GV nhận xét và đưa ra kết luận.  HS ghi chép ý chính vào vở.  **2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các nhân vật lịch sử và khung cảnh xuất hiện của các nhân vật đó trong truyện.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS hệ thống lại các nhân vật lịch sử trong bài và bối cảnh xuất hiện của các nhân vật ấy.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  GV gọi 2 HS trả lời.  **Bước 4: Phân tích thảo luận:**  GV nhận xét và rút ra kết luận.  **3. Hướng dẫn HS tìm hiểu chân dung người anh hùng Trần Quốc Toản.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu về nhân vật qua câu hỏi: Trong văn bản, Hoài Văn đã có tâm trạng và hành động như thế nào? Qua đó, thể hiện Hoài Văn là người ra sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận câu hỏi theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  Đại diện từng nhóm phát biểu. Các nhóm phát biểu sau tránh trùng lặp ý các nhóm phát biểu trước.  **Bước 4: Phân tích kết luận:**  GV nhận xét và đưa ra kết luận. | **1. Tóm tắt, bối cảnh và ý nghĩa nhan đề.**  **\* Tóm tắt:**  Khi chú của Hoài Văn là Chiêu Thành Vương đến họp bàn việc đánh giặc cùng với vua Trần Nhân Tông và các vị Vương khác không cho Hoài Văn theo, chàng đã một mình phi ngựa để đến kịp. Việc “*những người em họ*” ấy được tham dự họp bàn việc nước với nhà vua càng làm Hoài Văn thêm nôn nóng, vì chẳng qua họ chỉ “*hơn Hoài Văn năm sáu tuổi*”, chàng lại nghĩ đến thân mình vì cha mất sớm, nên phải chịu cảnh đứng rìa nhục nhã. Hoài Văn giằng co với lính canh, chạy xuống thuyền rồng xin Vua cho đánh, rồi đặt thanh gươm lên gáy chịu tội. Vua không những tha tội mà còn ban cho Quốc Toản cam quý vì thấy cậu còn trẻ mà đã biết lo việc nước. Vì bị Vua xem là trẻ con và căm giận khi nghĩ tới quân giặc đang lăm le đè đầu cưỡi cổ dân mình, Hoài Văn vô tình bóp nát quả cam. Chàng hạ quyết tâm trên chính bến Bình Than rằng: “*Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua, xem ai hơn, ai kém. Rồi triều đình sẽ biết tay ta*”.  **\* Bối cảnh:**  - Lấy cảm hứng từ sự kiện lịch sử xảy ra ở đời nhà Trần, khi quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ 2. Lúc bấy giờ đất nước ta đang đứng trước một tình thế hiểm nghèo: họa xâm lăng và nỗi nhục mất nước.  - Tác giả dựng lại quá trình trưởng thành của một thiếu niên quý tộc (Hoài Văn Hầu), người có lòng yêu nước và căm ghét sâu sắc bọn xâm lược Nguyên Mông, sau này trở thành danh tướng đời nhà Trần. Chính tình thế đất nước, môi trường, gia đình và hoàn cảnh xã hội đã góp phần tạo nên tính cách của Trần Quốc Toản.  **\* Ý nghĩa nhan đề:**  “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” viết về người anh hùng thiếu niên Trần Quốc Toản. Có lẽ bởi vì Trần Quốc Toản chính là tấm bia chói lóa lý tưởng cách mạng, tấm lòng nồng nàn yêu nước, đó chính là thứ cần đó giúp lớp lớp thế hệ mầm non tương lai dựa vào. Tác giả còn khẳng định tác phẩm như một thiên truyện giáo dục, nâng cao ý thức của trẻ thơ về lịch sử nước nhà, tạo sự gắn kết, bồi đắp thêm tấm lòng biết ơn ông cha, yêu thương đất nước cho các em nhỏ.  **2. Các nhân vật lịch sử và khung cảnh xuất hiện.**  \* Các nhân vật lịch sử: Hoài Văn, Chiêu Minh Vương, Chiêu Quốc Vương, Chiêu Văn Vương, Hưng Đạo Vương, …  \* Khung cảnh:  - Quang cảnh:  + Hai cây đa cổ thụ che kín cả một khúc sông.  + Dưới bến, những thuyền lớn của các vương sư về hội sư, đậu dài san sát, sơn đủ các màu. Trên mui thuyền phấp phới những lá cờ của Chiêu Minh Vương, của Chiêu Quốc Vương, của Chiêu Văn Vương, của Hưng Đạo Vương, của Chiêu Thành Vương.  - Không khí: Tưng bừng, khí thế, tráng lệ “những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm hoa”.  **3. Chân dung người anh hùng Trần Quốc Toản.**  **\* Tâm trạng:**  **-** Khi đứng trên bờ nhìn quang cảnh một sự kiện đặc biệt đang diễn ra ở bến Bình Than:  + Nôn nóng khi các em họ “*những người em họ*” ấy được tham dự họp bàn việc nước với nhà vua.  + Chàng lại nghĩ đến thân mình vì cha mất sớm, nên phải chịu cảnh đứng rìa nhục nhã.  - Khi bị từ chối cho đi đánh giặc:  + Quyết tâm chiêu binh bãi mã, cầm quân đi đánh giặc. Xem cái thằng ngoài rìa này có phải là một kẻ toi cơm không.  => Làm nổi bật lên con người Trần Quốc Toản – một người anh hùng nhỏ tuổi có lòng yêu nước bất diệt, sớm lòng lo việc nước và bất bình khi phải đứng ngoài cuộc họp của các vương hầu.  **\* Hành động:**  Khi bị quân Thánh Dực ngăn cản xuống bến gặp vua, Trần Quốc Toản có hành động khác thường:  + Tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại: “Không buông ra ta chém!”.  + Đỏ mặt bừng bừng quát lớn: “Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!”  + Quốc Toản vưng gươm múa tít, không ai dám tới gần.  => Trần Quốc Toản có hành động như vậy bởi vì chàng nóng lòng cho việc nước. Quốc Toản hành động không e sợ chỉ để mong gặp được nhà vua và tâu lên ý kiến xin đánh. Cho thấy sự dũng cảm, lòng yêu nước bất diệt của chàng.  **\* Tính cách của Hoài Văn với các nhân vật khác trong truyện:**  - Khi đối thoại với đám quân Thánh Dực: khảng khái, oai phong.  - Khi đối thoại với chú Chiêu Thành Vương: Lễ phép, giải thích rõ ràng, thẳng thắn, biết lo việc nước. Quyết và gan dạ phản đối khi nghe có ý chủ hòa.  - Khi đối thoại với nhà vua: Nhiệt tình và dũng khí hét lên “Xin quan gia cho đánh”.  - Khi đối thoại với chính mình: Khí phách và quyết đoán, sẽ chiêu binh bãi mã giết giặc.  => Qua các đoạn độc thoại nội tâm nhân vật và các chi tiết li kì đầy hấp dẫn, có thể thấy con người Trần Quốc Toản vừa có nét khí khái của một triều thần giàu lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm vừa có nét tự ái cá nhân của một cậu bé nhiều sĩ diện, táo bạo, liều lĩnh…  => Nhờ thành công của nghệ thuật xây dựng nhân vật lịch sử, lựa chọn những chi tiết tiêu biểu nhằm khắc họa phẩm chất anh hùng của nhân vật. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật nghị luận của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của truyện (ngôn ngữ và nghệ thuật miêu tả của truyện; nghệ thuật xây dựng nhân vật; nghệ thuật kết cấu; nghệ thuật lịch sử được tiểu thuyết hóa nhuần nhuyễn)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiến hành thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày sản thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Phân tích kết luận**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  Nguyễn Huy Tưởng đã Hoài Văn dù tuổi còn nhỏ, nhưng chàng đã ý thức được bổn phận của một đấng nam nhi thời loạn, ngay trong cả giấc mơ cũng mong được giết giặc giúp nước. Tác phẩm ra đời nhằm giáo dục nhân cách, nâng cao hiểu biết của trẻ em về lịch sử nước nhà, khơi dậy lòng yêu nước cho các em.  **2. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử.  - Thế giới nhân vật được dựng lên bằng sức tưởng tượng và sáng tạo trong một cốt truyện phong phú, giàu các chi tiết đặc sắc.  - Văn phong cổ kính, trang nhã mà vẫn rất giản dị, tự nhiên. |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn phân tích chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam*.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu:***  (1)Được đọc cuốn *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* cũng đã lâu rồi, nhưng trong tâm trí em như đang phấp phới lá cờ trận đỏ chói của người thiếu niên mười sáu tuổi đánh quân Nguyên tự thuở nào “căng phồng lên trong gió hè lồng lộng thổi… đi mãi, đi mãi tới những nơi nào còn có bóng quân Nguyên”. (2)Từ vài dòng còn ghi trên trang lịch sử, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đã làm sống dậy thật đẹp cả một trang anh hùng trong một triều đại anh hùng, in đậm trong em hình ảnh người thiếu niên anh hùng bóp nát quả cam. (3)Lúc này đây, tâm trạng của Hoài Văn Hầu vừa tức vừa hờn vừa tủi, bỏi tuy được ban cam quý nhưng việc nước vẫn không được bàn. (4)Nhưng uất nhất là đám quân Thánh Dực cũng khúc khích cười chế nhạo. (5)Từ đó, người thiếu niên anh hùng nhen nhóm những hy vọng đầu tiên cho chiêu binh bãi mã đánh bại quân giặc. (6)Điều đó cho em thấy không chỉ gan to, chí quyết của một Hoài Văn, mà còn khiến em hết sức tự hào với tráng khí nhà Trần. (7)Trần Quốc Toản không chỉ thể hiện nhiệt tình cao quý ấy bằng lời, mà còn tự nguyện thể hiện nó bằng hành động, trước hết bằng cử chỉ đã được ghi lại sáng ngời trong lịch sử sách; sức phẫn nộ, chí diệt thù đã chuyển một phần thành năng lượng bóp nát quả cam vua ban trong tay lúc nào không biết! |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Lá cờ thêu sáu chữ vàng.

b. Nội dung: GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy tóm tắt nội dung văn bản trên bằng một sơ đồ tư duy.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu HS: *Em hãy tìm đọc thêm các câu chuyện lịch sử khác. Sau đó, nhận xét nghệ thuật truyện kể của Nguyễn Huy Tưởng với các tác giả đó.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội trong các văn bản văn học.

- Biết giải nghĩa các biệt ngữ xã hội.

- Biết cách sử dụng biệt ngữ xã hội.

- Biết nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ xã hội của người nói và người viết.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, phân tích các biệt ngữ xã hội.

- Vận dụng biệt ngữ xã hội đúng ngữ cảnh.

**3. Về phẩm chất**

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở:

Cho đoạn văn sau:

“Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến… Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà. Tôi cũng cười đáp lại cô tôi: - Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.”

(Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ *mẹ*, có chỗ lại dùng từ *mợ*?

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học: *Trong tiếng Việt, bên cạnh những từ ngữ toàn dân còn có những từ ngữ chỉ dùng trong một vùng nhất định như những từ ta vừa giải nghĩa ở trên. Và một số từ ngữ chỉ có trong hoàn cảnh giao tiếp của một vài đối tượng. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về những từ ngữ đó.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về biệt ngữ xã hội.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức về biệt ngữ xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu dấu hiệu nhận biết biệt ngữ xã hội.*  *+ Cách sử dụng biệt ngữ xã hội.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Nhận biết biệt ngữ xã hội**  - Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ âm, có khi thể hiện ở ngữ nghĩa.  - Do những đặc điểm riêng khác biệt như vậy, trong văn bản, biệt ngữ xã hội thường được in nghiêng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép và được chú thích về nghĩa.  - Biệt ngữ xã hội hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, vì thế chúng thường được sử dụng trong phạm vi hẹp. Chỉ có những người có mối liên hệ riêng với nhau về nghề nghiệp, lứa tuổi, sinh hoạt, sở thích,… và nắm được quy ước mới có thể dùng biệt ngữ để giao tiếp.  **2. Sử dụng biệt ngữ xã hội**  - Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp.  - Đối với nhà văn, việc sử dụng biệt ngữ xã hội để miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của một đối tượng cụ thể trở nên sinh động, chân thực. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về biệt ngữ xã hội để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGk.  *1. Chỉ ra biệt ngữ ở những câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó.*  *a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.*  *(Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu)*  *b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.*  *2. Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to. (Nguyễn Tuân, Một đám bất đắc chí)*  *Vì sao ở câu trên, người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn”? Theo em, tác giả dùng cụm từ đó với mục đích gì?*  *3. Trong phóng sự “Tôi kéo xe” của Tam Lang (viết về những người làm nghề kéo xe chở người thời trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), có đoạn hội thoại:*  *- Mày đã “****làm xe****” lần nào chưa?*  *- Bẩm, chúng cháu làm bao giờ cả.*  *Trong “Cạm bẫy người” của Vũ Trọng Phụng – một tác phẩm vạch trần trò gian xảo, bịp bợm của những kẻ đánh bạc trước năm 1945 – có câu: Tôi rất lấy làm lạ là vì cứ thấy hai con* ***chim mòng*** *thắng trận, ù tràn đi mà* ***nhà đi săn*** *kia đã phí gần hai mươi* ***viên đạn****.*  *Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội (in đậm) trong các trường hợp trên. Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là gì?*  *4. Chỉ ra biệt ngữ trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:*  *a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?*  *- Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?*  *b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu biết vì sao không?*  *- Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1.**  a. Biệt ngữ: gà  Dựa vào ngữ nghĩa của câu. Từ “gà” trong câu không có nghĩa là con vật, một loại gia cầm. “Gà” trong câu trên được hiểu là người có năng khiếu, được ưu ái.  b. Biệt ngữ “tủ”  Dựa vào ngữ nghĩa của câu. Từ “tủ” trong câu không có nghĩa là đồ dùng để đựng. “Tủ” trong câu trên được hiểu là học chọn lọc những kiến thức quan trọng, cần thiết để làm bài kiểm tra, làm bài thi.  **Câu 2.**  - Người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn” vì để cho người đọc hiểu được chính xác nội dung câu văn. “Đánh một tiếng bạc lớn” có nghĩa là tạo ra một âm thanh to còn ở trong câu có nghĩa là cướp một đám to.  - Tác giả dùng cụm từ đó với mục đích miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của Cai Xanh. Nhờ dùng biệt ngữ đó, bức tranh cuộc sống của Cai Xanh hiện ra sinh động, chân thực.  **Câu 3.**  - Trong phóng sự “Tôi kéo xe” của Tam Lang: “làm xe” có nghĩa làm nghề kéo xe chở người. Tác dụng: Tam Lang sử dụng biệt ngữ xã hội để miêu tả cuộc sống của những người làm nghề kéo xe chở người. Nhờ biệt ngữ đó, bức tranh cuộc sống trở nên chân thực, sinh động.  - Trong “Cạm bẫy người” của Vũ Trọng Phụng: chim mòng có nghĩa là người chơi bạc, nhà đi săn có nghĩa chủ sòng bạc, hai mươi viên đạn nghĩa là hai mươi đồng bạc. Tác dụng: Vũ Trọng Phụng sử dụng biệt ngữ xã hội để lên án tệ nạn cờ bạc trong “Cạm bẫy người”. Nhờ biệt ngữ đó, bức tranh cuộc sống trở nên chân thực, sinh động.  - Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là xác định nghĩa của biệt ngữ để hiểu đúng nội dung của văn bản.  **Câu 4.**  Các biệt ngữ:  a. lầy  b. hem  Nhận xét: Các biệt ngữ trên hình thành trên những quy ước riêng của những người trẻ tuổi, thường được sử dụng trong phạm vi hẹp. Trong câu a sử dụng khi giao tiếp với bố - người lớn nên không phù hợp. Trong câu b sử dụng khi giao tiếp với bạn bè – có thể sử dụng biệt ngữ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biệt ngữ xã hội*.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy viết một số tình huống có sử dụng biệt ngữ xã hội trong đời sống.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 2: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

**(Trích Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô Gia Văn Phái)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện lịch sử.

**3. Về phẩm chất**

Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS trả lời:

*+ Hãy kể tên một số nhân vật lịch sử mà em biết. Em thích nhất nhân vật nào? Vì sao?*

*+ Chia sẻ những hiểu biết của em về người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ.*

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Nhà Lê suy tàn, không còn bảo vệ được đất nước, quân Thanh nhân cơ hội ấy mang 20 vạn quân sang xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ mang quân từ Phú Xuân - Huế ra Thăng Long dẹp giặc. Hiện thực nước sôi lửa bỏng ấy được văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh tái hiện lại một cách chân thực ở hồi thứ 14. Hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung hiện lên như thế nào? Sự thảm bại của quân xâm lược ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại truyện lịch sử và văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh.*  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, văn bản và dựa vào nội dung đã đọc ở nhà, trả lời câu hỏi sau: *Hãy trình bày những hiểu biết của em về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái.*  - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, gọi HS trả lời và các HS khác bổ sung ý kiến cho bạn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Cho biết thể loại của tác phẩm?*  *+ Nêu hiểu biết của em về quyển tiểu thuyết này?*  *+ Xuất xứ của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội.  - Hai tác giả chính:  + Ngô Thì Chí (1753 – 1788), em ruột Ngô Thì Nhậm, làm quan dưới thời Lê Chiêu Thống, tuyệt đối trung thành với nhà Lê, từng chạy theo Lê Chiêu Tống khi Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Dâng “Trung hưng sách” bàn kế khôi phục nhà Lê. Sau đó, được Lê Chiêu Thống cử đi Lạng Sơn chiêu tập những kẻ lưu vong lập nghĩa binh chống lại Tây Sơn. Trên đường đi, ông bị bệnh mất tại Bắc Ninh. Nhiều tài liệu nói, ông viết 7 hồi đầu của tác phẩm.  + Ngô Thì Du (1772 – 1840) anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí, học giỏi nhưng không đỗ đạt. Dưới triều Tây Sơn, ông sống ẩn ở Hà Nam. Thời nhà Nguyễn ông làm quan đến năm 1827 thì về nghỉ. Ông là tác giả của 7 hồi tiếp theo.  **2. Tác phẩm**  - Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi  - Là cuốn tiểu thuyết lịch sử có quy mô lớn, phản ánh những biến động nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kỉ XIX, gồm 17 hồi. Tập trung vào hai nội dung chính:  + Vạch trần sự thối nát dẫn đến sự sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Trịnh Lê.  + Phong trào nông dân khởi nghĩa Tây Sơn và người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.  - Xuất xứ văn bản: Đoạn trích nằm ở hồi thứ mười bốn. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết, hình ảnh, nhân vật trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trong khoảng thời gian ngắn từ 24/11 đến 30/12/1788, khi nhận được tin cấp báo của Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết thì Nguyễn Huệ đã có thái độ và quyết định gì? Ông đã làm được những việc gì? Điều đó chứng minh ông là người có phẩm chất gì?*  *+ Đến Nghệ An Vua Quang Trung đã làm những việc gì? Ông làm thế nào để tuyển nhanh chóng một số lượng quân lớn như vậy? Nhận xét về tài thu phục lòng quân của ông?*  *+ Nhận xét về tài thu phục lòng quân và việc dùng tướng của vua Quang Trung?*  *+ Làm thế nào để ông có thể chỉ đạo một đội quân hành binh thần tốc đến như vậy?*  *+ Chủ trương trong kế hoạch đánh giặc của vua Quang Trung như thế nào?*  *+ Theo em nguồn cảm hứng nào đã khiến cho tác giả vốn rất không có thiện cảm với nhà Tây Sơn lại khắc hoạ hình ảnh anh hùng Quang Trung đẹp đến như vậy?*  + HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Nhận xét về tên tướng giặc Tôn Sĩ Nghị.*  *+ Em nhận xét như thế nào về quân xâm lược nhà Thanh?*  *+ Em nhận xét như thế nào về vương triều Lê ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **1. Hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung- Nguyễn Huệ.**  - Nhận được tin quân Thanh chiếm Thăng Long Nguyễn Huệ rất tức giận, không hề nao núng: “định thân chinh cầm quân đi ngay”.  - Trong vòng một tháng (24/11 đến 29/12/1788) ông làm được rất nhiều việc lớn: làm lễ lên ngôi; đốc suất đại binh ra Bắc; gặp La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp; tuyển quân ở Nghệ An; phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân,đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.  *⇒ Người bình tĩnh, hành động nhanh ,kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán trước những biến cố lớn.*  - Ở Nghệ An → gặp gỡ người cống sĩ tham khảo ý kiến; kén lính “ba suất đinh thì lấy một người”  - Ông rất nhạy bén trong việc dụ binh, thu phục lòng quân: bài hịch “đất nào sao ấy” ngắn gọn, hào hùng, khích lệ lòng yêu nước và truyền thống quật cường dân tộc.  - Nguyễn Huệ sáng suốt trong việc lựa chọn tướng tài. Hiểu tường tận năng lực của tướng sĩ, khen chê đúng người đúng việc.  *⇒ Người có trí tuệ sáng suốt sâu sắc và nhạy bén.*  *⇒ Người có ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng : mới khởi binh mà đã tuyên bố chiến thắng chắc như đinh đóng cột, chuẩn bị cả phương lược ngoại giao sau khi dẹp yên giặc.*  *⇒ Tài dụng binh như thần: chiến dịch hành quân thần tốc ngày 25 rời Phú Xuân - Huế → ngày 29 đến Nghệ An, ngày 30 bắt đầu xuất quân ở Nghệ An, dự định ngày 7 tháng giêng(7 ngày) sẽ ăn tết ở Thăng Long (đoạn đường khoảng 650km → 10 ngày đi bộ)*  Thực tế: ngày 5 tết đã đến Thăng Long  → đến nơi đội ngũ vẫn tinh nhuệ đánh cho quân Thanh tan tác → tài tổ chức cầm quân.  \* Anh hùng Quang Trung trong chiến trận:  - Chủ chương đánh là thắng, chiến đấu dũng mãnh,quyết tử, quân đội nghiêm minh.  - Vua Quang Trung cưỡi voi thân chinh cầm quân - một tổng chỉ huy chiến dịch: vừa hoạch định phương lược tiến đánh vừa chiêu mộ quân sĩ, thống lĩnh một mũi tiên phong 🡪 Tạo nên trận thắng đẹp áp đảo kẻ thù.  *⇒ Hình ảnh người anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong lẫm liệt, bừng bừng khí tiết một hình ảnh hào hùng về ng anh hùng trong lịch sử văn học dân tộc.*  **2. Hình ảnh bọn xâm lược và bọn vua tôi bán nước**  **\* Sự thảm bại của quân xâm lược nhà Thanh**  - Mưu cầu lợi riêng, bất tài, không biết mình, biết địch, kiêu căng, chủ quan, tự mãn.  **-** Tiến vào thành Thăng Long quân Thanh không gặp bất kì một trở ngại nào,khiến chúng chủ quan kiêu căng cho là vô sự không đề phòng gì .  - Bị đánh bất ngờ, không kịp trở tay, sợ hãi, xin hàng hoặc bỏ chạy toán loạn.  → Đó là đội quân ô hợp tướng bất tài, quân hèn nhát  **\* Bọn vua tôi bán nước:**  - Nhà Lê dựa vào nhà Thanh để bảo vệ lợi ích riêng của dòng họ. Đem đất nước đặt vào tay giặc (bán nước cầu vinh).  - Chạy theo giặc hòng thoát thân 🡪 đó chính là nỗi nhục của triều đại.  - Lời văn kể chuyện với thái độ chân thực, hả hê trước sự thất bại thảm hại của quân xâm lược .  - Tác giả không khỏi ngậm ngùi trước sự tàn tạ của vương triều mà mình đã từng yêu quý.  *⇒ Một vương triều đã đến ngày tàn tạ suy vong tất yếu, chạy theo giặc, bán nước cầu vinh trong lịch sử nhà nhà nước phong kiến*. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  Là bức tranh sinh động về người anh hùng Nguyễn Huệ - vị vua văn võ song toàn. Đồng thời, cũng thấy được tình cảnh thất bại ê chề, khốn đốn, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống.  **2. Nghệ thuật**  - Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử.  - Khắc hoạ nhân vật lịch sử với ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động.  - Có giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả ngậm ngùi, chua xót đối với vương triều nhà Lê, tự hào, kính trọng đối với Tây Sơn - Nguyễn Huệ và chiến thắng của dân tộc, khinh bỉ bọn giặc cướp nước. |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn nêu cảm nhận của bản thân về hình ảnh đặc sắc trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu***  (1)Có thể nói Hồi thứ mười bốn trong tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí của nhóm Ngô gia văn phái đã phản ánh khá đầy đủ chân dung người anh hùng Nguyễn Huệ. (2)Đặc biệt, người đọc đã ấn tượng rất sâu sắc với sự sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta của vua Quang Trung qua lời phủ dụ lúc lên đường ở Nghệ An. (3)Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy” người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. (4)Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại dân ta, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”. (5)Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông ta từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành… (6)Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người Phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính chí tình, vừa nghiêm khắc: “các người đều là những người có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn.(7) Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”. (8)Tóm lại vua Quang Trung là một nhân vật xuất chúng: lẫm liệt oai phong, văn võ song toàn đã ghi vào trang lịch sử vẻ vang của dân tộc, làm sáng ngời truyền thống dân tộc, ngàn đời sau vẫn nhắc tên người anh hùng áo vải Quang Trung. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy tóm tắt nội dung văn bản trên bằng một sơ đồ tư duy.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để vẽ tranh thể hiện nội dung văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Tranh vẽ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy vẽ lại bức tranh thể hiện trận chiến của Vua Quang Trung.*

- GV hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được các từ ngữ địa phương trong các văn bản văn học.

- Biết giải nghĩa các từ ngữ địa phương.

- Biết cách sử dụng các từ ngữ địa phương.

- Biết nhận xét về việc sử dụng các từ ngữ địa phương của người nói và người viết.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, phân tích các biệt từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.

- Vận dụng từ ngữ địa phương đúng ngữ cảnh.

**3. Về phẩm chất**

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc và chỉ ra những tiếng địa phương có trong văn bản:

*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng,* *mênh mông bát ngát*

*Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng*, *bát ngát mênh mông*

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*

*Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời.

- Dự kiến sản phẩm: Các tiếng địa phương như ni, tê.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Các tiếng mà chúng ta chỉ ra trên gồm từ ni (này), tê (kia) là ngôn ngữ địa phương miền Trung. Vậy tại sao dân gian không sử dụng các từ toàn dân phổ biến mà sử dụng các từ địa phương trong văn bản? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về từ ngữ địa phương.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về từ ngữ địa phương. Vận dụng kiến thức giải bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức về biệt ngữ xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGk.  *1. Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:*  *a. Ai đi vô nơi đây*  *Xin dừng chân xứ Nghệ*  *(Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)*  *b. Đến bờ ni anh bảo:*  *- “Ruộng mình quên cày xáo*  *Nên lúa chín không đều.*  *Nhớ lấy để mùa sau*  *Nhà cô làm cho tốt”.*  *(Trần Hữu Thung, Thăm lúa)*  *c. Chứ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy*  *Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!*  *(Tố Hữu, Huế tháng Tám)*  *d. – Nói như cậu thì… còn chi là Huế!*  *(Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)*  *e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa.*  *(Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió)*  *2. Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:*  *a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu* ***giồng*** *và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.*  *(Trích Biên bản họp lớp)*  *b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã* ***nhớn*** *thế đấy. Nếu con* ***giồng*** *nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả…*  *(Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)*  *c. Lần đầu tiên tôi theo* ***tía*** *nuôi tôi và thằng Cò đi* ***“ăn ong”*** *đây!*  *(Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)*  *d.* ***Tui*** *xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.*  *(Trích một bản tường trình)*  *3. Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?*  *a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường*  *b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình*  *c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp*  *d. Nhắn tin cho một bạn thân*  *e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1.**  Các từ ngữ địa phương:  a. vô  b. ni  c. chừ  d. chi  e. má, tánh  Tác dụng: Việc sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài. Đồng thời, nó giúp truyền tải đúng ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc, người nghe.  **Câu 2.**  a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.  b. Nhớn và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  c. Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.  **Câu 3.**  Những trường hợp cần tránh dùng từ ngữ địa phương là:  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng từ ngữ địa phương*.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy tìm thêm các trường hợp sử dụng từ ngữ địa phương trong văn bản văn học và viết một số tình huống có sử dụng từ ngữ địa phương trong đời sống.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 3: TA ĐI TỚI**

**(Trích, Tố Hữu)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được thể thơ, bố cục bài thơ.

- Hiểu được nội dung, thông điệp mà bài thơ muốn truyền tải.

- Nhận biết và phân tích được những chi tiết hay và đặc sắc trong bài thơ.

- Hiểu được tình cảm mà nhà thơ thể hiện trong bài.

- Vận dụng các kiến thức vào đọc hiểu văn bản.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Tố Hữu.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ta đi tới.*

- Năng lực nhận diện thể thơ, các chi tiết nghệ thuật trong bài.

**3. Về phẩm chất**

- Bồi dưỡng tình cảm yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS trả lời: *Em biết những bài thơ nào viết về quê hương đất nước? Hãy chia sẻ về bài thơ mà em yêu thích.*

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Tình cảm yêu nước thiết tha, sâu nặng và khát vọng về một đất nước vững mạnh, ấm no luôn là đề tài nóng hổi của rất nhiều nhà văn, nhà thơ yêu nước. Trong đó không thể không nhắc đến nhà thơ Tố Hữu – một nhà thơ tiêu biểu của thơ Cách mạng Việt Nam. Nổi bật là bài thơ “Ta đi tới” được nhà thơ viết vào tháng 8 năm 1954 nhằm ca ngợi chiến thắng lừng lẫy của dân tộc và suy nghĩ, trăn trở về tương lai đất nước trong trang sử mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại thơ tự do và tác giả, tác phẩm.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, văn bản và dựa vào nội dung đã đọc ở nhà, trả lời câu hỏi sau: *Hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả Tố Hữu.*    - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, gọi HS trả lời và các HS khác bổ sung ý kiến cho bạn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Phương thức biểu đạt của bài thơ.*  *+ Thể thơ.*  *+ Hoàn cảnh sáng tác.*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng.  - GV chia sẻ thêm:  **Trong hồi ký Nhớ lại một thời của Tố Hữu, có đoạn sau đây về bài thơ “Ta đi tới”:**  *“Sau khi được gặp Bác (ngày 8-5-1954), tôi ra về, vừa phấn khởi vừa lo lắng về công việc của mình. Bác nói: “… kẻ thù mới sẽ hùng mạnh và hung ác hơn nhiều”, bởi vậy công tác tư tưởng sắp tới phải chú ý khắc phục tính chủ quan và nhất là tâm lý “xả hơi” ngay trong Đảng ta. Khi tôi viết câu thơ “Đây mới là bài học đầu tiên” (trong “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên”) là ngắm nói tới những chiến công khác trong tương lai. Thực tế đã diễn ra đúng như tiên đoán của Bác. Cũng chính nhận định quan trọng này của Bác đã thúc giục tôi viết tiếp bài “Ta đi tới” ngay trong tháng 8/1954, vừa ngợi ca chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới (…) Đây có lẽ là bài được truyền bá rộng nhất cùng với bài “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên”. Bài thơ cũng được truyền rất nhanh vào Nam nên khi các đoàn tập kết ra Bắc đều đã có trong tay (…) Nếu không có chiến công “lừng lẫy địa cầu” ấy và quyết tâm đi tới giải phóng hoàn toàn đất nước thì làm sao ra thơ được?”* | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả Tố Hữu**  - (1920 – 2002) quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế, là nhà cách mạng, đồng thời là nhà thơ.  - Hành trình thơ Tố Hữu song song với hành trình cách mạng; mỗi tập thơ của ông luôn gắn với một giai đoạn của cách mạng Việt Nam.  - Thơ Tố Hữu thường nói về những vấn đề trọng đại của dân tộc, tình cảm trong thơ ông mang tính thời đại.  - Các tập thơ tiêu biểu của ông: *Từ ấy* (1946), *Việt Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ra trận* (1971), *Máu và hoa* (1977), *Một tiếng đờn* (1992) và *Ta với ta* (2000).  **2. Văn bản *Ta đi tới***  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.  - Thể thơ: Thơ tự do  - Hoàn cảnh sáng tác:  Bài thơ Ta đi tới (in trong tập Việt Bắc) được Tố Hữu sáng tác vào tháng 8 năm 1954 – thời điểm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi, chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Bài thơ vừa ca ngợi những chiến thắng lẫy lừng của cuộc kháng chiến, vừa thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới của dân tộc. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết nghệ thuật trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:  *Đọc trích đoạn bài thơ, em hình dung như thế nào về bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng…) đã gợi nguồn cảm hứng thơ ca cho tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu:  *+ Em có cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp đất nước hôm nay?*  *+ Qua đó thể hiện tình cảm gì của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu:  *+ Tác giả đã gợi nhớ lại những kỉ niệm trong quá khứ?*  *+ Tố Hữu đã miêu tả vẻ đẹp của không gian địa lý đất nước gắn với chiều dài lịch sử như thế nào?*  *+ Theo tác giả, đất nước hôm nay được hình thành từ đâu?*  *+ Qua đó thể hiện tình cảm gì của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu:  *+ Những tình cảm nào của tác giả được thể hiện trong 2 khổ thơ cuối bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **1. Bối cảnh bài thơ**  - Không gian: rộng lớn, được tác giả nhắc nhiều qua các địa danh trên khắp mọi miền tổ quốc.  - Thời gian: ban ngày  - Thời điểm: tháng 8 năm 1954 cuộc cách mạng kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.  => Bài thơ Ta đi tới ca ngợi chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. Bài thơ chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao.  **2. Vẻ đẹp đất nước ngày nay**  **-** Đất nướchiện lên trong mắt Tố Hữu với những con đường rộng mở “ung dung ta bước”. Hàng loạt những con đường cách mạng được gọi tên từ phía bắc nơi đường Bắc Sơn, Đình Cà, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên nay đã được yên bình, xuôi theo về biển.  - Hình ảnh con đường in dấu chân người chiến sĩ nay đã “mới tinh khôi màu đất đỏ tươi”  - Đất nước thời bom rơi đạn nổ cháy cả đồi cây nay đã thành rừng cọ, đồi chè xanh tươi bát ngát.  - Dòng sông Lô từng đẫm máu quân thù nay đã yên bình đón nắng mới, hò vang tiếng hát.  - Bến Bình Ca một thời máy bay địch oanh tạc nay trở nên hiền hòa, dào dạt.  => Phải chăng đó chính là tiếng hát trong lòng nhà thơ, tiếng hát tự hào, tôn vinh về những anh hùng dân tộc đã gây dựng nên đất nước hòa bình.  **3. Kỉ niệm về những ngày tháng chiến đấu quả cảm, oai hùng**  - Những con đường Phú Thọ, Trung Hà, Hưng Hóa, khu Ba, khu Bốn có Bốt Tây mà hễ nhắc đến ai cũng phải bàng hoàng khiếp sợ bởi những đòn tra tấn, đày đọa không nhân tính của kẻ thù nay đã “cuốn sạch rồi”.  - Xuôi thuyền theo sông Thao về thủ đô kháng chiến Hà Nội với mấy ngàn năm chiến đấu không nghỉ, “bắp chân, đầu gối vẫn săn gân” nay ngẩng đầu lên chỉ còn vẻ đẹp của đám mây nhởn nhơ bay, của màu xanh hòa bình.  => Dân tộc ta với lòng khiên trung, bất khuất đã làm tan tác những bóng thù hắc ám, đổ bao nhiêu giọt mồ hôi nước mắt để đổi lại “Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa!”, để cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên nóc dinh độc lập.  - Tố Hữu miêu tả vẻ đẹp của không gian địa lý đất nước gắn với chiều dài của lịch sử.  + Từ miền Bắc xuôi về đến Nam Bộ, Tiền Giang, Hậu Giang, Hồ Chí Minh, Đồng Tháp,...rồi đến cả những con sông từng nhuốm máu đỏ quân thù như Sông hương, Bến Hải, Cửa Tùng đều được vang danh tưởng nhớ.  + Tác giả còn gửi gắm tình yêu, tình đoàn kết giữa hai miền Nam Bắc rằng “Nước ta là của chúng ta/ Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa!”.  => Tố Hữu nhắc nhở mỗi con người chúng ta dù có đi đâu thì chúng ta vẫn là “con một cha, nhà một nóc”. Dù có như thế nào thì dòng máu con người Việt Nam vẫn chảy trong tim, ta vẫn luôn là “dân Cụ Hồ”.  - Đất nước là một phần máu thịt trong mỗi con người.  + Đất nước được hình thành từ khói lửa, đạn pháo, từ cái thời mà lớp trẻ bây giờ có mong cũng chẳng quay lại được.  + Đất nước ta hình thành từ những dấu chân của người chiến sĩ anh hùng, mà người chiến sĩ đó chẳng phải là những chiến binh mạnh mẽ, họ điều xuất phát từ “than bụi, lầy bùn”, từ những người dân nhỏ bé nhưng có sức mạnh đoàn kết to lớn của tình yêu đất nước. Họ xông pha chiến đấu, không sợ hiểm nguy, cứ thế bước đi dưới ánh “mặt trời cách mạng”. Những bàn chân “Hóc Môn, Ba Tơ, Cao Lạng” vang danh lừng lẫy trên chiến trường Điện Biên, nổi tiếng khắp cả địa cầu. Những bàn chân đó đã được Tố Hữu nhấn mạnh, lý tưởng hóa như những bàn chân khổng lồ sẵn sàng dẫm đạp đầu “Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp”.  **4. Suy tư của nhà thơ**  -  Những cảm xúc chứa đựng đầy suy tư của nhà thơ khẳng định lại tinh thần khiên trung, bất diệt của dân tộc ta khi đối mặt với kẻ thù hung bạo và tấm lòng thủy chung của con em dân tộc Việt Nam chung một mái nhà.  - Bằng bút pháp nghệ thuật so sánh, Tố Hữu miêu tả chặng đường giành lại giang sơn bờ cõi của dân tộc ta không một giây nào chùn bước. Ý chí của dân ta “rắn như thép, vững như đồng”, “cao như núi, dài như sông”, “Chí ta lớn như biển Đông trước mặt!”. Dân tộc ta “đi tới” với khí thế ngút trời, hùng hậu, đoàn kết “Bắc Nam liền một biển” khiến kẻ địch dù có mạnh đến đâu cũng phải kinh hãi, khiếp sợ.  - Bằng điệp từ “Lòng ta”, nhà thơ nhất mực thể hiện tấm lòng trung với nước, hiếu với dân hòa cùng tấm lòng của dân tộc. Dân ta đều chung một nước, quyết không cùng giới tuyến với kẻ thù nào, trong lòng cùng chung một người cha già vĩ đại, cùng chung một Thủ đô kháng chiến, cùng chung một “cơ đồ Việt Nam” |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  Bài thơ “Ta đi tới” ca ngợi những chiến tích oai hùng của ông cha, qua đó gợi suy nghĩ, cảm xúc của thời đại về một đất nước được xây dựng từ những trái tim nồng ấm tình người nhưng cũng không hề mềm yếu, nhẫn nhìn trước bất kì kẻ thù nào xâm hại đất nước của Cụ Hồ, của dân tộc.  **2. Nghệ thuật**  **-** Thể thơ tự do, cách ngắt nhịp độc đáo, giọng thơ hào hùng mà tha thiết.  - Kết hợp khéo léo các thủ pháp nghệ thuật: biện pháp so sánh, biện pháp điệp,.. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Ta đi tới.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn nêu cảm nhận của mình về chi tiết ấn tượng trong bài thơ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em biết thêm những bài thơ nào khác của nhà thơ Tố Hữu? Những tác phẩm của nhà thơ nói về điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI**

**(THAM QUAN MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan.

- Kể được diễn biến chuyến tham quan.

- Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích.

- Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.

- Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn giới thiệu một cuốn sách.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) nào làm em đáng nhớ nhất? Nếu kể lại chuyến đi đó, em sẽ viết những gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học ngày hôm nay sẽ hướng dẫn cho các em cách viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Cách thức tiến hành**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu yêu cầu khi viết bài văn kể lại một chuyến đi.*  *+ Phân tích bài viết tham khảo: Chuyến tham quan khu lưu niệm Nguyễn Du.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Yêu cầu**  - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,…)  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết.  **2. Phân tích bài viết tham khảo *Chuyến tham quan khu lưu niệm Nguyễn Du***  - Nêu mục đích chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể lại diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động nổi bật trong chuyến đi,…).  - Đan xem giữa kể chuyện với trình bày các thông tin chính và ấn tượng về những nét nổi bật của địa điểm tham quan.  - Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn kể lại một chuyến đi (chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi viết.  - GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo yêu cầu:  + Lựa chọn đề tài  + Tìm ý  + Lập dàn ý  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2 + 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn theo các bước đã nêu ở NV1.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn HS đổi bài cho nhau theo cặp đôi để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết bài văn.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài văn của mình.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Em liệt kê một số chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa mà mình từng tham gia, sau đó, chọn một chuyến đi đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất để lại.  **b. Tìm ý**  HS tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  - Chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?  - Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,…). – Khung cảnh của điểm tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,…).  - Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…).  **c. Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý  *- Mở bài:*  + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  *- Thân bài:*  + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,…).  *- Kết bài:* Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  **2. Viết bài**  Bám sát dàn ý để viết bài. Trong quá trình viết, em cần lưu ý:  - Các ý của bài viết đảm bảo phản ánh đúng trình tự thời gian của chuyến tham quan, ứng với từng điểm không gian khu di tích.  - Nêu được những hoạt động nổi bật khiến chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho em.  - Ngôn ngữ bài viết cần sinh động, vừa kể chi tiết, cụ thể vừa thể hiện được cảm xúc; sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức hấp dẫn cho bài viết.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Sau khi hoàn thành bài viết, rà soát và chỉnh sửa theo gợi ý sau:  - Nếu bài viết chưa giới thiệu rõ về chuyến tham quan, cần viết cụ thể hơn.  - Nếu bài viết nêu chưa đầy đủ các hoạt động chính theo trình tự thời gian thì bổ sung và sắp xếp lại.  - Nếu việc kể, tả chưa làm nổi bật được đặc điểm của khu di tích và ấn tượng của người viết thì hình dung lại để viết thêm.  - Nếu bài viết chưa nêu rõ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến đi thì bổ sung. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về viết bài văn kể lại một chuyến đi.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Viết lại những câu văn, đoạn văn chưa đạt yêu cầu.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài sau khi chỉnh sửa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn kể lại một chuyến đi.*

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY GIỚI THIỆU NGẮN VỀ MỘT CUỐN SÁCH**

**(CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết cách trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách (một cuốn truyện lịch sử).

- Chia sẻ được những hiểu biết của mình về một cuốn truyện lịch sử đã đọc, rèn luyện kĩ năng nói.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói và người nghe trao đổi, đánh giá để cùng rút kinh nghiệm.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của một cuốn sách (truyện lịch sử).

- Trân trọng những giá trị tốt đẹp về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc.

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Theo em, khi đọc một cuốn sách lịch sử, người đọc sẽ có thêm những hiểu biết gì? Chia sẻ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Đọc một cuốn truyện lịch sử, em sẽ có thêm hiểu biết về các sự kiện, nhân vật lịch sử qua sự tái hiện sống động của nhà văn. Từ đó, em có thể rút ra bài học cho cuộc sống hôm nay. Việc trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử đã đọc không chỉ là dịp để em chia sẻ với các bạn những hiểu biết của mình về tác phẩm, mà còn giúp em rèn luyện kĩ năng nói.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu, mục đích**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nội dung SGK, xác định yêu cầu và mục đích của bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Yêu cầu: Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử).  - Mục đích nói: Cung cấp thông tin cơ bản về một cuốn truyện lịch sử, khơi gợi hứng thú ở người nghe và khuyến khích họ tìm đọc tác phẩm.  - Người nghe: Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi nói.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị.  *Để thực hiện tốt bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử, cần chuẩn bị nội dung theo một trong hai phương án sau đây:*  *+ Phương án thứ nhất*  *+ Phương án thứ hai*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày bài nói theo sự chuẩn bị NV1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hành nói theo các bước.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài nói.  - Các HS khác lắng nghe, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Sau khi nói xong, GV hướng dẫn HS trao cho nhau theo nhóm để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với các bạn trong nhóm.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 trao đổi, đánh giá.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi nói**  *- Phương án thứ nhất*: Trình bày bài nói trên cơ sở bài viết đã thực hiện. Với phương án này, HS cần tóm lược nội dung bài viết thành dàn ý bài nói, gồm đầy đủ các phần. Ghi chú những điểm cần nhấn mạnh trong cách mở đầu, triển khai và kết luận để gây ấn tượng cho người nghe.  + Cần lưu ý chuyển từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói.  + Ghi những từ ngữ, câu văn quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày.  *- Phương án thứ hai*: Chưa có bài viết giới thiệu về cuốn truyện. Trước hết, HS cần tìm đọc một số cuốn truyện lịch sử, chọn một cuốn HS cảm thấy có hứng thú để giới thiệu. Sau khi đọc kĩ cuốn truyện, em hãy lập dàn ý bài nói với các nội dung cơ bản sau đây:  + Giới thiệu chung về cuốn truyện (tên truyện, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang,…).  + Giới thiệu nội dung cuốn truyện (thời kì lịch sử được tái hiện trong cuốn truyện, tóm lược cốt truyện, nêu các sự kiện gắn với nhân vật chính và các nhân vật có liên quan,…).  + Nhận xét ngắn gọn một số nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện (sự hấp dẫn của cách kể, cách khắc họa nhân vật, đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại,…).  + Nêu một vài suy nghĩ của em về cuốn truyện.  **2. Trình bày bài nói**  - Bám sát dàn ý đã lập để trình bày bài nói cho rõ ràng, mạch lạc.  + Mở đầu: Nêu các thông tin chung về cuốn truyện.  + Triển khai: Trình bày các nội dung chính; nêu một vài nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện.  + Kết luận: Nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của cuốn truyện.  - *Lưu ý*: Khi trình bày, cần chọn giọng nói phù hợp (giọng chia sẻ thân mật, giọng tâm tình,…), thể hiện các thông tin một cách chính xác. Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,…  **3. Sau khi nói**  Trao đổi, đánh giá những vấn đề sau đây để cùng rút kinh nghiệm:  - Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa?  - Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa?  - Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào?  - Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?  - Người nghe có thái độ như thế nào? Có nắm bắt được nội dung bài nói và nêu được ý kiến trao đổi không? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em rút ra kinh nghiệm cho những bài nói và nghe tiếp theo?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**THỰC HÀNH ĐỌC: MINH SƯ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** Ôn tập nội dung kiến thức Bài 1: Câu chuyện của lịch sử.

- HS vận dụng kiến thức để thực hành đọc văn bản: Minh sư

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản truyện lịch sử.

- Vận dụng các kiến thức đã học về truyện lịch sử để thực hành đọc văn bản: Minh sư.

**3. Về phẩm chất**

- Trân trọng những giá trị tốt đẹp về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc.

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Hãy kể tên các văn bản truyện lịch sử đã học trong bài 7: Câu chuyện của lịch sử.*

- HS trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA G V - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xem lại 2 văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* và *Quang Trung đại phá quân Thanh* để hoàn thành bài tập 1.  *1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản theo gợi dẫn:*   |  | *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* | *Quang Trung đại phá quân Thanh* | | --- | --- | --- | | *Bối cảnh* |  |  | | *Cốt truyện* |  |  | | *Nhân vật* |  |  | | *Ngôn ngữ* |  |  |   - Xem lại các kiến thức về truyện lịch sử để làm bài tập 2.  *2. Tìm đọc thêm một truyện lịch sử và thực hiện các yêu cầu sau:*  *a. Xác định bối cảnh xảy ra các sự kiện được tái hiện trong tác phẩm.*  *b. Nêu chủ đề của truyện.*  *c. Chọn một nhân vật em yêu thích và nêu một vài đặc điểm tiêu biểu của nhân vật đó (ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ,…).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. | **Câu 1.**   |  | Lá cờ thêu sáu chữ vàng | Quang Trung đại phá quân Thanh | | --- | --- | --- | | Bối cảnh | Cuộc chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai của nhà Trần. | Quân Thanh sang xâm lược nước ta vào năm Mậu Thân 1788 | | Cốt truyện | Hoài Văn lo cho vận mệnh đất nước nhưng không được dự bàn việc nước. Hoài Văn bị xem là trẻ con, bóp nát quả cam vì bị xem thường và có ý chí chiêu binh bãi mã. | Cuộc chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | | Nhân vật | Trần Quốc Toản, Vua Thiệu Bảo, Trần Hưng Đạo,… | Quang Trung, Ngô Thì Nhậm, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị,… | | Ngôn ngữ | Ngôn ngữ lịch sử.  VD: xin quan gia cho đánh, xin bện kiến,… | Ngôn ngữ lịch sử.  VD: đốc suất đại binh, hạ lệnh tiến quân,… |   **Câu 2.**  Đọc truyện: An Tư – Nguyễn Huy Tưởng  a. Bối cảnh: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.  b. Chủ đề: Nói về những hi sinh mất mát của quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, tiêu biểu là nàng công chúa An Tư bị lãng quên, có số phận bất hạnh xót xa.  c. Nhân vật: An Tư  An Tư là một công chúa đời Trần, em ruột của Thượng hoàng Trần Thánh Tông và là cô của vua Trần Nhân Tông. Tương truyền, công chúa An Tư là người có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Gặp buổi giặc Nguyên Mông sang xâm lược, trước sức mạnh hung hãn của kẻ thù, triều đình đã quyết định cống An Tư cho tướng giặc Thoát Hoan để làm kế hoãn binh... |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc: Minh sư**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về văn bản *Minh sư.*

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, vận dụng các kiến thức về truyện lịch sử để tìm hiểu văn bản.  *1. Cái nhìn đa chiều về nhân vật Nguyễn Hoàng – người gắn liền với sự nghiệp mở cõi về phía Nam, khẳng định chủ quyền đất nước.*  *2. Những đặc sắc nghệ thuật của truyện lịch sử được thể hiện trong văn bản: tạo dựng bối cảnh, xây dựng cốt truyện, khắc họa nhân vật, sử dụng ngôn ngữ kể chuyện,…*  *3. Tình cảm, thái độ đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử mà tác phẩm gợi lên trong em.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu văn bản theo các câu hỏi gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, trao đổi kết quả thảo luận.**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, tổng kết, chuẩn kiến thức. | **1. Cái nhìn đa chiều về nhân vật Nguyễn Hoàng – người gắn liền với sự nghiệp mở cõi về phía Nam, khẳng định chủ quyền đất nước.**  Công cuộc mở mang bờ cõi của Chúa Nguyễn Hoàng thật vô cùng kỳ khu và gian khổ. Những cái nhìn của bậc tùy tùng về Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng:  - Đoan Quốc công là người không ngại gian khổ, tuy tuổi cao nhưng vẫn phải cáng đáng việc nước.  - Ngài là bậc kiệt hiệt, mỗi bước đi đều tính toán kĩ càng, tính được thời vận như thần.  - Quốc công sợ bị Trịnh Kiểm giết, tìm đường chạy thoát thân vào đây, gặp đất rộng thì mở thôi.  **2. Những đặc sắc nghệ thuật của truyện lịch sử được thể hiện trong văn bản: tạo dựng bối cảnh, xây dựng cốt truyện, khắc họa nhân vật, sử dụng ngôn ngữ kể chuyện,…**  - Tạo dựng bối cảnh: Thời Trịnh – Nguyễn phân tranh. Tránh được cái chết trước mắt, Nguyễn Hoàng buộc phải rời kinh để đi sâu vào vùng đất phía Nam.  - Xây dựng cốt truyện: Quốc công trong buổi tối đi mở mang bờ cõi, nghe được tùy tùng nói chuyện về mình. Một người lính hết lời ca ngợi chủ tướng, còn người kia thì cho rằng Nguyễn Hoàng do sợ Trịnh Kiểm sát hại mà tìm đường trốn vào Thuận Hóa.  - Khắc họa nhân vật: Chân dung rõ nét của Nguyễn Hoàng: dũng cảm, can trường, khôn khéo, quyết đoán nhưng cũng đầy tình cảm.  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện: Ngôn ngữ lịch sử, nghệ thuật trần thuật,…  **3. Tình cảm, thái độ đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử mà tác phẩm gợi lên trong em.**  - Người đọc cảm phục trước tinh thần của Nguyễn Hoàng và thái độ mềm dẻo, hồn hậu của ông khi nghe được hai người lính nói chuyện về mình.  - Người đọc sẽ hiểu hơn không chỉ về một giai đoạn lịch sử mà còn hiểu hơn về những con người tưởng đã là huyền thoại. Bên cạnh đó, tác giả Thái Bá Lợi còn cung cấp cho chúng ta những tình tiết lịch sử phức tạp, đưa ra một cái nhìn mới mẻ, nhân văn về lịch sử. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 1. Câu chuyện của lịch sử*.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Trình bày suy nghĩ của em về một câu chuyện lịch sử em yêu thích nhất đã được học trong Bài 1 (HS trình bày ngắn gọn).*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Từ nội dung Bài 1. Câu chuyện của lịch sử, em có suy nghĩ gì về tinh thần yêu nước của dân tộc.*

- HS trình bày.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.